

Bản án số: **108/2025/KDTM-PT**

Ngày: 08/5/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đức Bằng

Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 29/2025/TLPT-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 248/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 335/2025/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại S

Địa chỉ: Tầng 11 toà nhà R, số 9 đường Đ, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mai H – Giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thu H, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 11 ngõ 178 phố Q, phường N, quận T, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Bị đơn: Công ty cổ phần V

Địa chỉ: Tầng 6, toà nhà V, số 9 phố D, phường H, quận C, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức H – Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Huy N, sinh năm 1965; Địa chỉ: Số 32 ngõ 7 phố G, phường K, quận B, thành phố Hà Nội (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn N, xã L, huyện T, thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên hệ: Tầng 6, toà nhà V, số 9 phố D, phường H, quận C, thành phố Hà Nội (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tiếp theo, người đại diện nguyên đơn trình bày:

Trong các năm 2018, 2019 Công ty TNHH thương mại S (Sau đây viết tắt là Công ty S) và Công ty cổ phần V (Sau đây viết tắt là Công ty V) có quan hệ kinh doanh. Công ty S cung cấp hàng hoá cho Công ty V, việc mua bán được xác lập bằng hình thức trao đổi qua điện thoại, việc giao hàng và thanh toán dựa trên hoá đơn và xác nhận công nợ, thời gian thanh toán là 60 ngày kể từ ngày giao hàng và xuất hoá đơn. Quá trình mua bán, Công ty S luôn giao hàng và xuất hoá đơn đầy đủ nhưng Công ty V thường xuyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Theo Bảng kê đối chiếu công nợ phát sinh giữa Công ty S và Công ty V trong thời gian từ tháng 1/2019 đến tháng 8/2020, Công ty V còn nợ Công ty S 470.951.093 đồng. Sau đó Công ty V đã thanh toán cho Công ty S 04 lần với tổng số tiền là 110.000.000 đồng, còn nợ 360.951.093 đồng.

Công ty S yêu cầu Công ty V phải thanh toán số tiền 360.951.093 đồng nợ gốc và số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 25/5/2022 đến ngày 06/12/2024 là 83.604.580 đồng.

Nguyên đơn xin rút yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Công ty K theo biên bản thoả thuận chuyển giao công nợ ngày 30/6/2023 giữa Công ty S, Công ty V và Công ty K.

Người đại diện bị đơn trình bày:

Công ty V luôn hỗ trợ cho Công ty S, tạo điều kiện và mời Công ty S đi gặp đối tác Nhật Bản để Công ty S có hợp đồng mở rộng thị phần, tăng doanh thu ngoài Công ty V.

Năm 2019, Công ty V lâm vào khủng hoảng do dịch Covid dẫn đến việc dừng hoạt động kinh doanh nên không có doanh thu, dòng tiền để thanh toán cho Công ty S. Số tiền công nợ còn lại chiếm khoảng 5% doanh thu của 01 năm mà Công ty V có mua hàng từ Công ty S. Công ty V xin khất nợ để hoạt động sau đó thanh toán dần cho Công ty S. Công ty V chưa tuyển được kế toán nên việc đối chiếu công nợ vẫn đang tạm dừng. Đối với khoản nợ mà Công ty S yêu cầu, Công ty V chưa xác nhận vì chưa đầy đủ căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Đức H trình bày: Về số tiền 50.000.000 đồng ông đã chuyển cho Công ty S là do ông bị ép phải trả, Công ty S không ghi nhận khấu trừ số tiền này vào khoản nợ của Công ty V là chiếm giữ bất hợp pháp. Ông yêu cầu Công ty S phải trả lại ông số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/5/2022 đến ngày 24/9/2024 là 11.643.000 đồng.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 65/2024/KDTM-ST ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại S đối với Công ty cổ phần V.

Buộc Công ty cổ phần V phải trả Công ty TNHH thương mại S số tiền 444.555.673 đồng, trong đó nợ gốc là 360.951.093 đồng, nợ lãi là 83.604.580 đồng.

Kể từ ngày 07/12/2024, Công ty cổ phần V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện bổ sung về yêu cầu buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi thay cho Công ty K theo biên bản thoả thuận chuyển giao công nợ ngày 30/6/2023 giữa Công ty S, Công ty V và Công ty K.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đức H về việc yêu cầu buộc Công ty TNHH thương mại S phải hoàn trả cho cá nhân ông Nguyễn Đức H số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/5/2022 đến ngày 24/9/2022 là 11.643.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 25/12/2024 Công ty cổ phần V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện đầy đủ việc xác minh, thu thập chứng cứ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty cổ phần Việt Nhật sản xuất và thương mại.

Ngày 25/12/2024, ông Nguyễn Đức H kháng cáo phần quyết định liên quan đến quyền lợi của ông trong bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn trình bày: Công ty V và Công ty S có thoả thuận với nhau về việc mua bán hàng hoá nhưng không ký hợp đồng. Thực tế Công ty V có mua hàng và đã thanh toán một phần tiền hàng cho Công ty S. Hai bên có lập bảng kê đối chiếu công nợ phát sinh từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 8 năm 2020. Công ty V xác nhận còn nợ Công ty S số tiền nợ gốc là 470.951.093 đồng. Sau khi đối chiếu công nợ, Công ty V đã thanh toán cho Công ty S 110.000.000 đồng. Do chưa đối chiếu được sổ sách, chứng từ nên chưa xác định được ngoài số tiền trên, Công ty V còn thanh toán khoản tiền nào khác cho Công ty S.

Ông Nguyễn Đức H trình bày: Sau khi ký đối chiếu công nợ, ông đã bỏ ra số tiền 110.000.000 đồng trả cho Công ty S thay cho Công ty V. Trong số tiền này, có 60.000.000 đồng là ông tự nguyện thanh toán, còn số tiền 50.000.000 đồng ông phải thanh toán là do bị Công ty S ép buộc. Ông không xuất trình được chứng cứ chứng minh về việc bị ép buộc phải thanh toán cho Công ty S. Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Công ty V và ông Nguyễn Đức H, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

Về án phí: Công ty V, ông Nguyễn Đức H phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Đơn kháng cáo của Công ty V và ông Nguyễn Đức H trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí nên được chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của Công ty V:

- Về hợp đồng mua bán hàng hoá:

Công ty S trình bày hoạt động thương mại giữa Công ty S và Công ty V được xác lập bằng hình thức trao đổi điện thoại, không có hợp đồng bằng văn bản, việc giao nhận hàng dựa trên việc xuất hoá đơn và xác nhận công nợ.

Tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty V xác nhận có mua hàng, có nợ tiền hàng và đã thanh toán một phần tiền hàng cho Công ty S. Như vậy, có đủ căn cứ xác định Công ty V có mua hàng của Công ty S.

- Về số tiền nợ gốc:

Theo bảng kê đối chiếu công nợ phát sinh từ tháng 01 năm 2019 đến tháng 8 năm 2020, hai bên xác nhận số tiền Công ty V còn nợ Công ty S là 470.951.093 đồng. Sau đó, Công ty V đã thanh toán cho Công ty S 110.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 18/9/2020, thanh toán 20.000.000 đồng

+ Ngày 20/02/2021, thanh toán 20.000.000 đồng

+ Ngày 07/02/2022, thanh toán 20.000.000 đồng

+ Ngày 24/5/2022, thanh toán 50.000.000 đồng

Công ty V không xuất trình được chứng cứ chứng minh ngoài số tiền 110.000.000 đồng đã thanh toán, còn thanh toán số tiền khác, do đó yêu cầu của Công ty S về việc Công ty V phải thanh toán số tiền nợ gốc là 360.951.093 đồng có căn cứ.

- Về số tiền nợ lãi: Công ty S yêu cầu Công ty V thanh toán tiền lãi chậm trả từ ngày 25/5/2022 đến ngày 06/12/2024 là 83.604.580 đồng với mức lãi suất là 9,12%/năm.

Xét thấy: Công ty S và Công ty V không có thoả thuận về lãi suất do chậm thanh toán. Do Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu tiền lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Công ty V thanh toán lần cuối cùng cho Công ty S vào ngày 24/5/2022 nên phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán từ ngày 25/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Toà án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 306 Luật Thương mại để tính lãi chậm thanh toán là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Toà án cấp sơ thẩm không thu thập đầy đủ các quyết định về lãi suất cho vay của 03 Ngân hàng thương mại là thiếu sót. Tại cấp phúc thẩm, theo các quyết định ban hành lãi suất của 03 Ngân hàng thương mại đã thu thập được xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 9,31%/năm. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 9,12%/năm. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Đức H: Ông H trình bày việc ông chuyển 50.000.000 đồng cho Công ty S là do bị ép buộc, yêu cầu Công ty S phải trả lại số tiền này và tiền lãi.

Theo Phiếu báo nợ ngày 24/5/2022 thể hiện giao dịch 50.000.000 đồng với nội dung: NGUYENDUCHAI ck thanh toán cho Công ty V. Nội dung và số tiền chuyển khoản phù hợp với Phiếu báo có của Ngân hàng ACB do Công ty S cung cấp. Số tiền 50.000.000 đồng ông H thanh toán, Công ty S đã trừ vào số tiền nợ gốc của Công ty V.

Ông Nguyễn Đức H cho rằng mình bị ép buộc phải chuyển 50.000.000 đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Xét thấy, ông H là Tổng giám đốc Công ty V nên việc ông H thanh toán tiền nợ thay cho Công ty V là tự nguyện, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông H.

Từ những phân tích trên, thấy rằng kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về cách tuyên khoản tiền lãi chậm thi hành án: Công ty S và Công ty V không có thoả thuận về tiền lãi chậm thanh toán. Toà án cấp sơ thẩm tuyên kể từ ngày 07/12/2024 Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự là không đúng hướng dẫn tại Điều 13 Nghị quyết

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do đó cần phải sửa án sơ thẩm về cách tuyên án.

[5] Án phí: Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 148, Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 357, 440, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty cổ phần V.
- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đức H.
- Sửa một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 65/2024/KDTM-ST ngày 06/12/2024 của Tòa án nhân dân quận C, thành phố Hà Nội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại S đối với Công ty cổ phần V.

2. Buộc Công ty cổ phần V phải trả Công ty TNHH thương mại S số tiền tính đến ngày 06/12/2024 là 444.555.673 đồng, trong đó nợ gốc là 360.951.093 đồng, nợ lãi là 83.604.580 đồng.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện bổ sung về yêu cầu buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi thay cho Công ty K theo biên bản thỏa thuận chuyển giao công nợ ngày 30/6/2023 giữa Công ty TNHH thương mại S, Công ty cổ phần V và Công ty K.

5. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đức H về việc yêu cầu Công ty TNHH thương mại S phải hoàn trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/5/2022 đến ngày 24/9/2022 là 11.643.000 đồng.

6. Án phí:

- Về án phí sơ thẩm:

Công ty cổ phần V phải chịu 21.782.226 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ông Nguyễn Đức H phải chịu 3.082.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, được trừ vào 3.082.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm (Đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046500 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội).

Hoàn trả Công ty TNHH thương mại S 13.333.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm (Đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000173 ngày 17/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội).

- Về án phí phúc thẩm:

Công ty cổ phần V phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (Đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046917 ngày 16/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội).

Ông Nguyễn Đức H phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm (Đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0046872 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Hà Nội).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận C;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận C;
- Dương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên;
- Dương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa;
- Dương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa;
- Đương sự;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----- ★ ★ ★ -----

BÁO CÁO
XÉT XỬ VỤ ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI

Kính gửi: lãnh đạo Tòa án nhân dân quận Đống Đa

Tôi là: Trần Anh Tuấn, thẩm phán

Báo cáo vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 98/2020/TLST-KDTM ngày 20/10/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng cung cấp và lắp đặt", giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Long Thịnh Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 ngõ 58/1 phố Hoàng Đạo Thành, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần thương mại và truyền thông Vinasing

Địa chỉ: Tầng 19 toà nhà Ocean Part, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Nội dung vụ án: Ngày 05/7/2018 Công ty TNHH MTV Long Thịnh Việt Nam và Công ty cổ phần thương mại và truyền thông Vinasing ký hợp đồng cung cấp và lắp đặt số 01/HĐKT/VNS-LTVN. Theo hợp đồng, Công ty Long Thịnh cung cấp và lắp đặt hệ thống biển hộp đèn tại các cầu bộ hành trên địa bàn Thành phố Hà Nội. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao công trình. Công ty Long Thịnh đã thực hiện theo hợp đồng đã ký. Ngày 10/4/2019 Công ty Long Thịnh và Công ty Vinasing đã ký nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng. Tuy nhiên Công ty Vinasing mới chỉ thanh toán cho Công ty Long Thịnh 2.500.000.000 đồng. Công ty Long Thịnh yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty Vinasing phải trả số tiền 3.808.400.000 đồng.

Ngày 19/5/2021 nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 25/4/2019 đến ngày 25/4/2021 là 685.512.000 đồng (Lãi suất 9%/năm); Tiếp tục tính lãi cho đến khi bị đơn thanh toán xong khoản nợ; Buộc bị đơn phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng là 304.672.000 đồng.

Thẩm phán đề xuất:

Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán tiền gốc và lãi do chậm thanh toán

Không chấp nhận yêu cầu phạt do vi phạm hợp đồng

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền thanh toán. Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận.

Người báo cáo

Trần Anh Tuấn